

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/DS-ST  
Ngày: 11-5-2021  
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Lý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2021/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hà Nội

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Bà Quan Thị Cẩm N, trú tại: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 3421/2020/UQ-VPB ngày 11 tháng 9 năm 2020). (Có mặt).

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1990; bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm: 1992; bà Nguyễn Thị Á, sinh năm: 1952; cùng địa chỉ cư trú: Đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông Đ, bà T, bà Á - Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây viết tắt là ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án bà Quan Thị Cẩm N là đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 24/4/2017, giữa ngân hàng và ông Đ, bà T, bà Á có ký hợp đồng tín dụng số:

13067667/TPU/HĐTD với nội dung: Ông Đ, bà T, bà Á vay số tiền 496.000.000 đồng để mua xe ô tô Kia Cerato, biển số: 51G-355.19 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 265263 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2017 và ông Đ, bà T, bà Á đã thế chấp chiếc xe nêu trên để đảm bảo cho khoản vay.

Tính đến ngày 11/9/2020, ông Đ, bà T, bà Á còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 358.212.468 đồng, nợ lãi là 101.610.946 đồng.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử Đ ký kết giữa ngân hàng và ông Đ, bà T, bà Á ngày 15/4/2017: Hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000 đồng, dư nợ tạm tính đến ngày 11/9/2020 là 105.643.000 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T, bà Á phải trả số tiền nợ tổng cộng: 565.466.414 (Nợ gốc: 358.212.468, nợ lãi: 101.610.946, nợ thẻ tín dụng: 105.643.000) đồng đối với 02 hợp đồng tín dụng nêu trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi trả nợ xong.

Về chiếc xe ô tô Kia Cerato, biển số: 51G-355.19 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 265263 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2017 là tài sản thế chấp nên nếu ông Đ, bà T, bà Á không trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp; nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì ông Đ, bà T, bà Á phải tiếp tục thanh toán cho đến khi dứt nợ.

Ngày 24/11/2020, ngân hàng đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông Đ, bà T, bà Á đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/4/2017: Hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Đ, bà T, bà Á trả tiền nợ gốc: 358.212.468 đồng và nợ lãi: 158.227.330 đồng, tổng cộng: 516.439.798 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ, bà T, bà Á có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 13067667/TPU/HĐTD ngày 24/4/2017 tương ứng với số tiền chưa thanh toán cho đến khi ông Đ, bà T, bà Á trả nợ xong; xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông Đ, bà T, bà Á đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/4/2017: Hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà T, bà Á không đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông Đ, bà T, bà Á theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; tổng đạt cho các đương sự đúng quy định pháp luật; tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203; quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/4/2017.

Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông Được, bà T, bà Á vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng thấy rằng, hợp đồng tín dụng số: 13067667/TPU/HĐTD ngày 24/4/2017 mà ngân hàng ký kết với ông Đ, bà T, bà Á là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 về nội dung lẫn hình thức của hợp đồng.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 13067667/TPU/HĐTD ngày 24/4/2017, bảng sao kê lịch sử thanh toán nợ của ông Đ, bà T, bà Á thì việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T, bà Á thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở để xem xét. Sau khi vay tiền của ngân hàng thì ông Đ, bà T, bà Á phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi nhưng ông Đ, bà T, bà Á không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm Điều 4 của hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa buộc ông Đ, bà T, bà Á phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc: 358.212.468 đồng và nợ tiền lãi: 158.227.330 đồng, tổng cộng: 516.439.798 đồng cho ngân hàng là cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc ông Đ, bà T, bà Á trả cho ngân hàng số tiền 516.439.798 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà T, bà Á có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 13067667/TPU/HĐTD ngày 24/4/2017 là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ, bà T, bà Á cùng liên đới chịu là  $20.000.000 + 116.439.798 \times 4\% = 24.657.592$  đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 13.309.328 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0027209 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1. Buộc ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc: 358.212.468 đồng và nợ tiền lãi: 158.227.330 đồng, tổng cộng: 516.439.798 (Năm trăm mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, bảy trăm chín mươi tám) đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Khi ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 13067667/TPU/HĐTCSP ngày 20/4/2017.

Nếu đến hạn trả nợ mà ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á không trả thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 13067667/TPU/HĐTCSP ngày 20/4/2017 là chiếc xe ô tô Kia Cerato, biển kiểm soát: 51G-355.19 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 265263 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2017 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á đối với

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/4/2017.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Á cùng liên đới chịu là 24.657.592 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm chín mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 13.309.328 (Mười ba triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, ba trăm hai mươi tám) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0027209 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Mạnh Cường**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**